

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG – TÀI CHÍNH

**CÔNG BỐ GIÁ GỐC
VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

THÁNG 02 NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Công bố số 302/CBLN-XD-TC ngày 20/02/2017 của Liên Sở
Xây dựng - Tài chính, tỉnh Quảng Bình)

Quảng Bình, tháng 02 năm 2017

Số: 302/CBLN-XD-TC

Quảng Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG BỐ

Giá gốc vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tháng 02 năm 2017

LIÊN SỞ XÂY DỰNG – TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ban hành ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình;

Liên Sở Xây dựng - Tài chính Quảng Bình Công bố giá gốc vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tháng 02 năm 2017 và hướng dẫn áp dụng như sau:

1- Đơn giá vật liệu xây dựng có trong Công bố này (có bảng giá kèm theo) thay thế giá các loại vật liệu có trong Công bố giá số 133/CBLN-XD-TC ngày 19/01/2017 của Liên Sở Xây dựng - Tài chính, các nội dung còn lại áp dụng theo Công bố số 133/CBLN-XD-TC.

Đơn giá vật liệu xây dựng trong Công bố này để các Chủ đầu tư tham khảo, quyết định việc áp dụng hoặc vận dụng làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt dự toán, xác định giá xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình sử dụng vốn nhà nước (bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn phát triển chính thức, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của nhà nước). Khuyến khích các Dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng.

2- Đơn giá vật liệu xây dựng trong Công bố này là đơn giá gốc vật liệu xây dựng đã bao gồm bốc lên phương tiện vận chuyển bên mua (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) được áp dụng kể từ ngày 01/02/2017, và dùng để làm căn cứ xác định đơn giá vật liệu đến hiện trường xây lắp cho công trình, tính đơn giá, tính dự toán, tính bù trừ chênh lệch chi phí vật liệu, điều chỉnh dự toán hoặc nghiệm thu thanh quyết toán công trình. Đơn giá gốc vật liệu xây dựng được hiểu là: đối với những loại vật liệu khai thác tại địa phương là đơn giá mua tại nơi sản xuất, khai thác, hoặc nơi bán vật liệu đó. Đơn giá gốc các loại vật liệu khác (không

phải do địa phương sản xuất, khai thác) được hiểu là đơn giá vật liệu của nhà sản xuất hoặc tại đại lý của nhà cung cấp bán vật liệu đó trong bảng Công bố này.

3- Chủ đầu tư thực hiện việc tính giá vật liệu đến hiện trường xây lắp với cự ly, cấp đường và cước vận chuyển hàng hóa theo quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì chưa rõ hoặc vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng, Sở Tài chính để xem xét giải quyết./.

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG BÌNH

K/T GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC

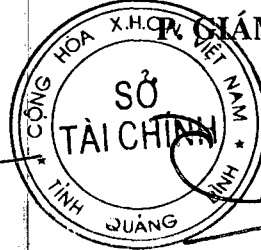


Hoàng Minh Thái

SỞ TÀI CHÍNH QUẢNG BÌNH

K/T GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC



Lê Thị Tuyền



ĐIỀU CHỈNH GIÁ GỐC VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Tháng 02 năm 2017

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VI	GIÁ GỐC	GHI CHÚ
1	Điện	kwh	1.622,05	
2	Xăng A92	lít	16.309	Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 03/02/2017
3	Xăng A95	lít	17.091	
4	Dầu Diezel	lít	13.018	
5	Xăng A92	lít	16.309	
6	Xăng A95	lít	17.091	Từ ngày 04/02/2017 đến ngày 18/2/2017
7	Dầu Diezel	lít	13.073	
8	Xăng A92	lít	16.773	
9	Xăng A95.	lít	17.418	Từ ngày 19/02/2017
10	Dầu Diezel	lít	13.255	
	Cửa nhựa lõi thép Shide & Euro Profile- Công ty TNHH KT Xây dựng Xuân Trường (Giá chưa bao gồm công lắp đặt): Thanh Shide & Euro Profile có lõi thép gia cường có độ dày 1,2mm - 1,5mm. Kính trắng Việt Nhật 5mm, phụ kiện kim khí đồng bộ nhập khẩu chính hãng GQ.			Tại TT các huyện, thị xã, TP.Đồng Hới
11	Cửa đi 1 cánh mở quay, bộ chìa khóa, bản lề 3D	m2	2.857.000	nt
12	Cửa đi 1 cánh mở trượt, bộ chìa khóa, bản lề 3D	m2	2.347.000	nt
13	Cửa đi 2 cánh mở quay, bộ chìa khóa, bản lề 3D	m2	2.797.000	nt
14	Cửa đi 2 cánh mở trượt, bộ chìa khóa, bản lề 3D	m2	2.205.000	nt
15	Cửa đi 4 cánh mở quay, bộ chìa khóa, bản lề 3D	m2	2.983.000	nt
16	Cửa đi 4 cánh mở trượt, bộ chìa khóa, bản lề 3D	m2	2.235.000	nt
17	Cửa sổ một cánh mở quay, bản lề chữ A chống va đập, chốt phụ trên dưới	m2	2.395.000	nt
18	Cửa sổ 2 cánh mở hất ra ngoài, bản lề chữ A chống va đập, chốt phụ trên dưới	m2	2.257.000	nt
19	Cửa sổ 2 cánh mở trượt, bánh xe lùa chống rung, ray nhôm cửa lùa	m2	2.115.000	nt
20	Cửa sổ 4 cánh mở quay, bản lề chữ A chống va đập, chốt phụ trên dưới	m2	2.463.000	nt
21	Cửa sổ 4 cánh mở trượt, bánh xe lùa chống rung, ray nhôm cửa lùa	m2	2.245.000	nt
22	Vách kính cố định	m2	1.750.000	nt
23	Vách kính cố định, có cửa mở hất	m2	1.959.000	nt
24	Thép tròn CT3 fi6, fi8 (Việt - Hàn)	kg	11.000	nt
25	Thép tròn CT5 fi<=18 (Việt - Hàn)	kg	10.700	nt
26	Thép tròn CT5 fi>18 (Việt - Hàn)	kg	10.700	nt